

Số: *731* /KH-GDĐT

Quận 7, ngày *11* tháng *6* năm 2019

**KẾ HOẠCH TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH MẦM NON CÔNG LẬP
NĂM HỌC 2019 - 2020**

Số nhóm, lớp - Số học sinh																				
2018 - 2019 TRƯỜNG	TS nhóm, lớp	Số nhóm nhà trẻ					Số lớp mẫu giáo				TS học sinh	Số học sinh nhà trẻ					Số học sinh mẫu giáo			
		TS	6-12 tháng	13-18 tháng	19-24 tháng	25-36 tháng	TS	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi		TS	6-12 tháng	13-18 tháng	19-24 tháng	25-36 tháng	TS	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
19/5	20	5	0	1	1	3	15	5	5	5	860	155	0	31	30	94	705	228	234	243
KCX Tân Thuận	17	5	1	1	1	2	12	3	4	5	588	130	11	21	31	67	458	141	151	166
Sương Mai	8	1	0	0	0	1	7	2	2	3	334	40	0	0	0	40	294	80	94	120
Hoa Sen	9	1	0	0	0	1	8	3	2	3	317	31	0	0	0	31	286	85	84	117
Tân Kiểng	10	1	0	0	0	1	9	3	3	3	430	35	0	0	0	35	395	108	133	154
Tân Quy	7	1	0	0	0	1	6	2	2	2	295	35	0	0	0	35	260	80	90	90
Sơn Ca	10	2	0	0	0	2	8	3	2	3	380	60	0	0	0	60	320	120	80	120
Tân Hưng	14	3	0	0	1	2	11	3	4	4	602	107	0	0	25	82	495	119	182	194
Tân Phong	7	1	0	0	0	1	6	2	2	2	284	30	0	0	0	30	254	69	82	103
Tân Mỹ	10	2	0	0	1	1	8	2	3	3	363	50	0	0	17	33	313	72	111	130
MG Tân Phú	3	0	0	0	0	0	3	1	1	1	113	0	0	0	0	0	113	30	41	42
Bình Thuận	6	1	0	0	0	1	5	1	2	2	238	30	0	0	0	30	208	44	79	85
Hoa Hồng	20	5	1	1	1	2	15	5	5	5	884	152	13	23	33	83	732	221	245	266
Phú Thuận	5	1	0	0	0	1	4	1	1	2	175	23	0	0	0	23	152	41	43	68
MG Măng Non	4	0	0	0	0	0	4	1	1	2	175	0	0	0	0	0	175	40	55	80
Phú Mỹ	16	4	0	1	1	2	12	4	4	4	595	105	0	21	23	61	490	159	171	160
	166	33	2	4	6	21	133	41	43	49	6633	983	24	96	159	704	5650	1637	1875	2138

Số nhóm, lớp - Số học sinh																				
2019 - 2020 TRƯỜNG	TS nhóm, lớp	Số nhóm nhà trẻ					Số lớp mẫu giáo				TS học sinh	Số học sinh nhà trẻ				Số học sinh mẫu giáo				
		TS	6-12 tháng	13-18 tháng	19-24 tháng	25-36 tháng	TS	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi		TS	6-12 tháng	13-18 tháng	19-24 tháng	25-36 tháng	TS	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
19/5	20	5	1	1	1	2	15	5	5	5	762	125	10	25	30	60	637	175	228	234
KCX Tân Thuận	17	5	1	1	1	2	12	3	4	5	625	135	15	20	30	70	490	105	160	225
Sương Mai	8	1	0	0	0	1	7	2	2	3	315	30	0	0	0	30	285	70	80	135
Hoa Sen	9	1	0	0	0	1	8	3	3	2	345	30	0	0	0	30	315	105	120	90
Tân Kiểng	10	2	0	0	1	1	8	2	3	3	385	60	0	0	30	30	325	70	120	135
Tân Quy	7	1	0	0	0	1	6	2	2	2	270	30	0	0	0	30	240	70	80	90
Sơn Ca	10	2	0	0	0	2	8	3	3	2	375	60	0	0	0	60	315	105	120	90
Tân Hưng	14	3	0	0	1	2	11	3	4	4	532	85	0	0	25	60	447	105	160	182
Tân Phong	20	5	1	1	1	2	15	5	5	5	635	110	15	20	25	50	525	150	175	200
Tân Mỹ	10	2	0	0	1	1	8	2	3	3	380	55	0	0	25	30	325	70	120	135
MG Tân Phú	3	0	0	0	0	0	3	1	1	1	120	0	0	0	0	0	120	35	40	45
Bình Thuận	6	1	0	0	0	1	5	1	2	2	235	30	0	0	0	30	205	35	80	90
Hoa Hồng	20	5	1	1	1	2	15	5	5	5	725	125	15	20	30	60	600	175	200	225
Phú Thuận	5	1	0	0	0	1	4	1	1	2	191	25	0	0	0	25	166	35	41	90
MG Măng Noi	4	0	0	0	0	0	4	1	1	2	155	0	0	0	0	0	155	35	40	80
Phú Mỹ	16	4	1	1	1	1	12	4	4	4	580	100	15	25	30	40	480	140	160	180
Tổng cộng	179	38	5	5	8	20	141	43	48	50	6630	1000	70	110	225	605	5630	1480	1924	2226



Ngô Xuân Đông